

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI
TỈNH QUẢNG NGÃI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 31/2020/HNGĐ-ST

Ngày: 20-8-2020

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ QUẢNG NGÃI, TỈNH QUẢNG NGÃI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Thị Hồng Ánh;

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Tấn;
2. Ông Nguyễn Đình Dũng.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Mỹ Hạnh, Thư ký Tòa án của Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

Trong các ngày 15 tháng 8 và từ 17 đến 20 tháng 8 năm 2020, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 43/2020/TLST-HNGĐ ngày 11-02-2020 về việc “Ly hôn”, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 83/2020/QĐXXST-HNGĐ, ngày 06-7-2020, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị TT, sinh năm 1973, địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố Q, Quảng Ngãi; có mặt.

2. *Bị đơn:* Ông Trần CL, sinh năm 1965; địa chỉ: Thôn L, xã T, thành phố Q, tỉnh Quảng Ngãi; có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

1. *Tại đơn khởi kiện ngày 04-02-2020, trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Nguyễn Thị TT trình bày:*

Bà và ông Trần CL tìm hiểu, yêu thương, tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q vào ngày 16-3-1994. Sau khi kết hôn, vợ chồng chung sống hạnh phúc đến năm 2006 thì bắt đầu phát sinh mâu thuẫn, nguyên

nhân do bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi vã nhau; ông L thường xuyên vắng nhà, thỉnh thoảng mới về nhà, không quan tâm lo lắng đến gia đình, con cái; mọi việc trong nhà và nuôi con ăn học đều do một mình bà lo liệu gánh vác. Từ đó tình cảm vợ chồng ngày càng phai nhạt, không có tiếng nói chung. Bà cảm thấy cuộc sống hôn nhân không hạnh phúc, không thể chịu đựng được nữa nên yêu cầu Tòa án giải quyết cho bà được ly hôn với ông L.

Về con chung: bà và ông L có 02 con chung là Trần TV, sinh năm 1994 và Trần CV, sinh năm 1997. Các con đều đã trưởng thành nên bà không có yêu cầu gì về con chung.

Tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Nợ chung: Không có.

2. Trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa, bị đơn ông Trần CL trình bày:

Ông đồng ý với nội dung trình bày của bà Nguyễn Thị TT về quá trình tìm hiểu yêu thương, kết hôn và con chung của vợ chồng. Trong quá trình chung sống, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do đặc thù công việc nên ông phải thường xuyên xa nhà. Cách đây mười mấy năm, ông tình cờ phát hiện bà T có quan hệ ngoại tình với người đàn ông khác, ông và bà T giao kèo phần ai nấy sống, không được làm ảnh hưởng đến con, khi nào cháu CV lập gia đình thì mới ly hôn. Từ đó ông và bà T không còn tình nghĩa vợ chồng. Tuy nhiên, ông không đồng ý ly hôn, ông đề nghị Hội đồng xét xử cho ông thêm 15 ngày để ông gặp gỡ các con để nói cho các con hiểu chuyện của cha mẹ vì sao lại đến mức phải đưa nhau ra Tòa, sau đó mới đồng ý ly hôn.

Về con chung: ông và bà T có 02 con chung như bà T trình bày là đúng. Các con đã trưởng thành nên ông không có yêu cầu gì.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Nguyễn Thị TT và ông Trần CL tự nguyện đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã T, thành phố Q vào ngày 16-3-1994, nên đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp.

[2] Bà T và ông L trình bày khác nhau về nguyên nhân phát sinh mâu thuẫn giữa vợ chồng, tuy nhiên cả hai bên đều thừa nhận quá trình chung sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện nay không còn chung sống với nhau, không còn quan tâm chăm sóc nhau. Bà T yêu cầu ly hôn, ông L tuy không đồng ý ly hôn nhưng không phải do còn tình cảm với bà T mà do theo ông L, ông và bà T thỏa thuận khi nào cháu CV lập gia đình mới ly hôn. Hội đồng xét xử có cơ sở xác định mâu thuẫn giữa bà T và ông L là trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Căn cứ Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà T.

[3] Bà T và ông L có 02 con chung là Trần TV, sinh năm 1994 và Trần CV, sinh năm 1997. Các cháu TV và CV đều đã trưởng thành, bà T và ông L không có yêu cầu gì về con chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4] Bà T và ông L không yêu cầu Tòa án giải quyết tài sản chung và đều trình bày không có nợ chung nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5] Bà T phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm về quan hệ hôn nhân theo quy định tại các Điều 147, 150 của Bộ luật Tố tụng dân sự và Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình; các Điều 147, 150, 266, 271, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30-12-2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của Bà Nguyễn Thị TT về việc “Ly hôn”.
2. Bà Nguyễn Thị TT được ly hôn ông Trần CL.

3. Bà Nguyễn Thị TT phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số AA/2018/0003279 ngày 11-02-2020 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Quảng Ngãi, tỉnh Quảng Ngãi.

4. Nguyên đơn, bị đơn có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Ngãi;
- VKSND TP Quảng Ngãi;
- CCTHADS TP Quảng Ngãi;
- UBND xã T;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Bùi Thị Hồng Ánh